

Nửa khuya thức dậy đọc Truyện Kỳ Mạn Lục của Nguyễn Dữ

Nguyễn Dữ là một nhà văn xuôi Việt Nam ở thế kỷ thứ 16. Tác phẩm *Truyện Kỳ Mạn Lục* do ông viết, đã được đánh giá như là một “thiên cổ kỳ bút”.

Lương Nguyên Hiền



Vào một đêm mùa thu cách đây không lâu, nửa khuya thức dậy, theo lệ thường, tôi đi lòng vòng trong nhà hy vọng vớ được một cuốn sách để đọc qua đêm chờ sáng. Căn nhà thật vắng lặng và yên tĩnh, đi vào phòng làm việc, tôi đưa mắt dạo qua kệ sách. Chợt ánh mắt tôi dừng lại trên một

cuốn sách cũ vàng úa, đầy bụi bặm nằm khuất ở một góc. Tò mò, mở ra xem, đó là cuốn sách *Truyện Kỳ Mạn Lục*, tác giả là Nguyễn Dữ sống vào thế kỷ thứ 16. Sách được nhà xuất bản Tân Việt in năm 1952 và do Trúc Khê Ngô Văn Triện dịch ra chữ quốc ngữ. Đây là một trong những cuốn sách quý mà Cha tôi đã sưu tầm khi ông còn sống và được gìn giữ trong gia đình tôi cho đến ngày hôm nay. Tôi ngồi xuống, lật từng trang sách và bắt đầu đọc.

Nguyễn Dữ, nhà văn xuôi Việt Nam của thế kỷ 16

Ngay trang đầu trong phần giới thiệu sách, dịch giả Trúc Khê đã viết “*Truyện Kỳ Mạn Lục* là một bộ sách của ta, đã có nhiều người biết tiếng, người viết ra sách ấy là ông Nguyễn Dữ đời Lê”. Không phải chỉ nhiều người biết tiếng, mà *Truyện Kỳ Mạn Lục* một tác phẩm văn xuôi nổi tiếng của danh sĩ Nguyễn Dữ, đã đánh dấu sự trưởng thành của truyện ngắn Việt Nam, sau này đã được dịch ra nhiều tiếng trên thế giới. Tiến sĩ Vũ Khâm Lân đời Lê đã phải đánh giá như là một “thiên cổ kỳ bút” (ngòi bút kỳ lạ của muôn đời).

Tên thật của ông là Nguyễn Dữ nhưng người ta quen gọi ông là Nguyễn Dữ. Năm sinh năm mất đến giờ vẫn chưa rõ chỉ biết là ông sống vào thời nhà Lê Mạc (thế kỷ thứ 16), thầy học là Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm và bạn đồng môn là Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan. Ông quê ở Hải

Dương và là con trai cả của Tiến sĩ Nguyễn Tường Phiêu. Ông đậu cử nhân, ra làm quan thời nhà Lê và sau này được bổ đi làm tri huyện Thanh Tuyên. Nhưng chỉ ít lâu sau, chán cảnh quan trường, lấy cớ nuôi mẹ ông xin từ quan về ở núi rừng xứ Thanh Hóa và sống ở đó cho đến khi mất. Trong thời gian ở ẩn, ông đã sáng tác ra *Truyện Kỳ Mạn Lục*. Đây cũng là tác phẩm duy nhất của ông được viết bằng chữ Hán. Tác phẩm được Hà Thiên Hán, người cùng thời, viết lời Tựa (năm 1547), Nguyễn Bình Khiêm, thầy của ông, nhuận chính, Nguyễn Thế Nghi, thế kỷ 16, dịch ra chữ Nôm đến nay còn truyền tụng và nhiều bản dịch ra chữ quốc ngữ trong đó bản dịch của Trúc Khê được coi như đặc sắc nhất.

Truyện kỳ mạn lục có nghĩa là sao chép tản mạn những truyện lạ, được viết bằng chữ Hán và theo thể loại văn xuôi (tản văn), xen lẫn một ít văn có đối (văn biền ngẫu) và thơ ca, cuối truyện có lời bình của tác giả hay của một người khác. Tác phẩm có 4 quyển gồm 20 truyện và thông qua những nhân vật như thần tiên hay ma quái, Nguyễn Dữ gửi gắm đến người đọc những ý tưởng phê phán cái xã hội nhiễu nhương và đồng thời cũng muốn nói lên cái nhân sinh quan của mình.



Tân Biên *Truyện Kỳ Mạn Lục*

Nguyên nhân Nguyễn Dữ viết *Truyện kỳ mạn lục*

Nguyễn Dữ sống vào cuối đời Lê đầu đời Mạc, vào thời điểm mà đất nước rơi vào loạn ly rối ren. Thời mà những ông vua như Lê Uy Mục

(1505-1509) được gọi là vua quý, tối ngày rượu chè mà lại thích chém giết, như Lê Tương Dực (1509-1516) được gọi là vua lợn, hoang dâm xa xỉ vô độ, rồi đến Lê Chiêu Tông (1516-1522), Lê Cung Hoàng (1522-1527) bất tài để mặc cho triều đình nghiêng ngửa, các quan lại chia bè kết phái. Từ khi vua Lê Thánh Tông mất cho đến khi Mạc Đăng Dung cướp ngôi, chưa đầy 30 năm, đã có cả thảy 6 đời vua Lê, hết vua này bị giết rồi bị truất phế. Nền chính trị ở Việt Nam vào thế kỷ thứ 16 không chỉ bất ổn mà còn thối nát và tàn bạo, dân chúng thì lầm than cơ cực đủ điều. Cũng như Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm, thầy của ông, ông không thể quay mặt với hiện thực chung quanh, ông từ bỏ danh lợi về sống ẩn dật, vui thú điền viên, đọc sách thánh hiền để khỏi phải nhìn cảnh trái tai gai mắt trong triều đình. Thời gian ở ẩn, cũng là thời gian ông sáng tác *Truyện Kỳ Mạn Lục* để phản ánh lại cái thân phận nghiệt ngã của con người, nhất là thân phận phụ nữ trong một xã hội đại loạn và cũng như đề cao và nhắc nhở lại những giá trị về đạo đức luân lý đã bị đánh mất ở giai đoạn nhiễu nhương này. Đọc *Truyện Kỳ Mạn Lục*, ta sẽ bắt gặp được những ước vọng của ông về một xã hội mà ở đó con người có một cuộc sống an bình, công bằng, nhân ái mà ông đã khéo léo lồng vào trong những câu chuyện dân gian có tính cách thần bí ma quái. Nhờ ngòi bút tài hoa điêu luyện của ông, những câu chuyện dân gian lưu truyền phần đông xảy ra ở đời Lý, đời Trần, đời Hồ và đời Lê sơ đã được trau chuốt, hư cấu thêm để trở thành những tác phẩm nghệ thuật cao. Khác với một số tác phẩm văn xuôi khác như *Lĩnh Nam Chích Quái* của Trần Thế Pháp (thế kỷ 14), *Việt Điện U Linh Tập* của Lý Tế Xuyên (đầu thế kỷ 14), *Thiên Nam Vân Lục Liệt Truyện* của Nguyễn Hãng (đầu thế kỷ 16), *Truyện Kỳ Mạn Lục* không phải chỉ đơn thuần là một công trình sưu tập những chuyện dân gian mà là một sáng tác nghệ thuật, đã đánh dấu một khúc quanh của văn học Việt Nam vào thế kỷ 16 khi mà văn xuôi chưa có những thành tựu đáng kể.

Truyện Kỳ Mạn Lục gồm có 20 truyện: Câu chuyện ở đền Hạng Vương, Chuyện người nghĩa phụ ở Khoái Châu, Chuyện cây gạo, Chuyện gã trà đồng giáng sinh, Chuyện kỳ ngộ ở trại Tây, Chuyện đối tụng ở long cung, Chuyện nghiệp oan của Đào Thị, Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên, Chuyện Từ Thức lấy vợ tiên, Chuyện Phạm Tử Hư lên chơi thiên tào, Chuyện bữa tiệc đêm ở Đà Giang, Chuyện người con gái Nam Xương, Chuyện yêu quái ở Xương Giang, Chuyện đối đáp của người tiều phu ở núi Na, Chuyện cái chùa hoang ở huyện Đông Triều,

Chuyện nàng Thúy Tiêu, Chuyện Lý tướng quân, Chuyện Lê Nuông, Cuộc nói chuyện thơ ở Kim Hoa, Chuyện tướng Dạ Xoa.

Những câu chuyện trong *Truyện Kỳ Mạn Lục* phần đông tập trung vào 3 đề tài chính. Đề tài thứ nhất về quan niệm sống của kẻ sĩ về ở ẩn như “*Câu chuyện đối đáp của người tiều phu ở núi Na*”. Đề tài thứ hai về tình yêu trai gái, tình nghĩa vợ chồng, thân phận phụ nữ như “*Chuyện người con gái Nam Xương*”, “*Chuyện Từ Thức lấy vợ tiên*”. Đề tài thứ ba là về chế độ phong kiến với hôn quân bạo chúa, tham quan ô lại, đồi phong bại tục như “*Chuyện chức phán sự ở đền Tản Viên*”, “*Chuyện Lý Tướng Quân*”.

Để hiểu thêm về tác phẩm của Nguyễn Dữ, chúng ta sẽ đi qua 3 câu chuyện dưới đây, được coi như là tiêu biểu cho 3 đề tài đã nêu trên.

Câu chuyện đối đáp của người tiều phu ở núi Na

Câu chuyện đối đáp của người tiều phu ở núi Na được xây dựng trên một cốt truyện tương đối đơn giản. Nguyễn Dữ dựa vào một nhân vật có thật ở thế kỷ 16 để hư cấu ra câu chuyện. Trong truyện, người tiều phu ở núi Na xứ Thanh Hóa, họ Trần tên là Tu, vì đất nước đang hồi rối ren loạn lạc nên bỏ lên núi Na cắt lều tranh ở ẩn để được “an bần lạc đạo”. Nhân một chuyến đi săn ở Thanh Hóa, Hồ Hán Thương, vua thứ hai nhà Hồ và là con trai thứ của Hồ Quý Ly, tình cờ gặp một lão tiều phu vừa đi vừa hát nghêu ngao:

.....Ngẫm lại cổ kim bao đời khanh tướng,
 Rêu phủ bia tàn.
 Sao bằng ta: mặt trời đã cao ba thước,
 Giấc điệp hãy mơ màng. [3]

Hồ Hán Thương lấy làm lạ cho là người tài nên muốn thân dụng dưới trướng, sai một viên quan hầu tên là Trương Công đi theo để mời ra làm quan. Hai lần Trương Công lên núi đến tận am cỏ để mời ra giúp nhà Hồ, nhưng lão tiều phu khảng khái từ chối, viện cớ thích đời sống thanh nhàn, gần gũi với thiên nhiên không dính bụi trần. Nhưng thật ra trong thâm tâm, lão tiều vốn không phục nhà Hồ: “*Ta tuy chân không bước đến thị thành, mình không vào đến cung đình, nhưng vẫn thường được nghe tiếng ông vua bây giờ là người thế nào*”. Lần thứ ba trở lên lại núi Na, viên quan hầu không gặp lão tiều mà thấy để lại 2 câu thơ, tiên đoán sau này Hồ Quý Ly và Hồ Hán Thương bị nhà Minh bắt. Hồ Hán Thương tức giận cho đốt núi, thấy từ trong lửa một con hạc đen bay lên cao.

Trọng tâm của cả câu chuyện xoay quanh những câu đối đáp của lão tiều với viên quan hầu Trương Công, qua đó Nguyễn Dữ muốn nói lên cái quan niệm sống “lánh tục” của kẻ sĩ, trong đó có ông. Nhưng ông cũng cho thấy cái mâu thuẫn của kẻ sĩ thời xưa, họ vẫn ray rứt không nguôi khi nghĩ về đất nước, mặc dù trong lúc ẩn dật, họ đi ca tụng sự thanh cao nhàn nhã. Như lão tiều kia, dù là ở trên núi xa lìa thế tục, nhưng vẫn hiểu rõ thời thế bên ngoài, vẫn đoán được vận nhà Hồ không còn bao lâu nữa. Trong lều tranh của lão tiều, có đề hai bài thơ Thích Ngủ và Thích Cờ trên vách. Thích Ngủ tượng trưng cho “tĩnh” vì muốn tháng ngày thanh thoi, nhàn hạ, Thích Cờ tượng trưng cho “động” vì còn muốn chuyện đời hơn thua, thắng bại. Người sau căn cứ vào hai bài thơ đó cho rằng, Nguyễn Dữ mặc dù lui về ở ẩn, nhưng ông vẫn không cắt đứt hẳn với thế tục, ông vẫn mong thời thế thay đổi để ra giúp đời.

Chuyện người con gái Nam Xương



(Hình Internet)

Từ câu chuyện dân gian *Vợ chàng Trương*, mà người Việt Nam nào cũng đã từng một lần biết đến, Nguyễn Dữ đã thêm thắt vào đó một vài chi tiết

mang màu sắc hoang đường, kỳ bí để tạo dựng *Chuyện người con gái Nam Xương* và làm cho cốt truyện trở nên sống động, hư ảo hơn. Vũ Nương, người thiếu phụ Nam Xương, có tên thật là Vũ Thị Thiết quê ở Nam Xương (Hà Nam) sống khoảng đời vua Lê Thánh Tông (1460-1497). Vũ Nương là vợ của Trương sinh, thường được gọi là chàng Trương. Hai người đang sum họp đầm ấm, chàng Trương phải đi lính thú phương xa, nàng ở lại phụng dưỡng mẹ già, thay chồng nuôi con thơ. Đêm đêm dỗ con ngủ, nàng chỉ bóng mình trên vách mà bảo đó là bố nó. Ít lâu sau, chàng Trương trở về, đưa bé thấy bố nó xa lạ và nói bố nó chỉ trở về ban đêm. Chàng nghi ngờ và mắng nhiếc thậm tệ, rồi đuổi vợ đi. Nàng phẫn uất và đâm đầu xuống dòng Hoàng Giang (địa phận Nam Xương) tự vẫn. Xúc động trước lòng trung trinh của nàng, bà Linh Phi, phu nhân của Nam Hải Long Vương, đã ra tay cứu vớt nàng và cho nàng ở lại Thủy Cung. Mặc dù ở Thủy Cung sung sướng, nhưng nghĩ đến câu “*ngựa Hồ gặm giá Bắc, chim Việt đậu cành Nam*”, Vũ Nương chảy nước mắt vì nhớ chồng

nhớ con. Chàng Trương đến khi biết nỗi oan của vợ, thì đã quá muộn màng, bèn lập đàn giải oan cho nàng ở bên sông. Vũ Nương hiện trở về, nhưng chỉ ẩn hiện trong chốc lát rồi biến mất. Dân chúng biết người đàn bà tiết nghĩa đó chết oan, bèn lập miếu thờ. Vua Lê Thánh Tông nhân đi qua đó, đã làm một bài thơ vịnh rất nổi tiếng “*Miếu vợ chàng Trương*”, được khắc lên đá dựng trước miếu năm 1471.

Nghi ngút đầu ghềnh tỏa khói hương,

Miếu ai như miếu vợ chàng Trương.

... Qua đây mới biết nguồn cơn ấy,

Khá trách chàng Trương khéo phũ phàng!

(Miếu vợ chàng Trương, Lê Thánh Tông)

Người thiếu phụ Nam Xương là một người phụ nữ đẹp người lại đẹp nét, hiền thực đoan trang, đảm đang, tháo vát, phụng dưỡng mẹ chồng, thay chồng nuôi con thơ, một lòng son sắt “cách biệt ba năm, giữ gìn một tiết” với chồng... lẽ ra phải được hưởng cái hạnh phúc bình yên trọn vẹn, cái hạnh phúc mà nàng đã chờ chồng muốn hóa đá. Nhưng kết cuộc đã phải chọn cho mình một lối thoát bằng cái chết tức tưởi để giải nỗi oan tình. Qua đó Nguyễn Dữ đã lên án cái xã hội thối tha, mục nát và đã phản ánh được thân phận người đàn bà thua trước bị trói buộc vào lễ giáo, vào “Tam tòng tứ đức”, bị đối xử bất công, bị áp bức, bị bất hạnh nhưng không dám phản kháng, chỉ có lối giải thoát duy nhất là tự hủy diệt mình để thoát khỏi gọng kìm của xã hội và cũng như để minh oan cho mình.

Chuyện chức phán sự ở đền Tản Viên

Trong *Chuyện chức phán sự ở đền Tản Viên*, ông không viết về cái tiết tháo của kẻ đi ẩn hay ca tụng sự chung thủy sắt son của người phụ nữ trong xã hội phong kiến, mà ở đây ông đề cao tính thần khảng khái, tính cương trực, hành động dám chống lại cái ác và chống lại cái thờ ơ trước cái bất công của xã hội. Ông viết về sự chiến đấu giữa cái xấu và tốt, giữa ngay thẳng và xảo quyệt. Đề rồi “cây ngay không sợ chết đứng”, cuối cùng thì cái tốt thắng cái xấu, cái ngay thắng cái xảo.

Nhân vật Ngô Tử Văn, tên là Soạn người huyện Yên Dũng đất Lạng Giang, trong chuyện là một người khảng khái, nóng nảy thấy ngang trái thì không chịu được. Ở làng của Tử Văn, có một ngôi đền rất linh thiêng, chẳng may một tên tướng giặc xâm lược họ Thôi bị tử trận ở gần đó đã thừa cơ cướp lấy đền và đang làm yêu làm quái dân gian. Chàng tức giận, một hôm tắm gội sạch sẽ, khấn trời, rồi châm lửa đốt đền. Ai ai

cũng sợ và lo cho Tử Văn. Sau khi đốt đèn xong, Tử Văn bị ốm nặng, đang nằm mơ màng thì thấy mình bị hai tên quỷ sứ dẫn mình xuống âm cung. Trước công đường, mặc dù bị hồn ma tên tướng giặc măng chửi và đe dọa, Tử Văn không sợ hãi “vẫn cứ ngồi ngất ngưỡng tự nhiên”. Bị đưa ra trước Diêm Vương để tra hỏi, Tử Văn đã tỏ ra là một con người có khí phách, khẳng định “Ngô Soạn này là một kẻ sĩ ngay thẳng ở trần gian” và vạch mặt tên tướng bại trận bỏ thân nơi đất khách. Nhờ tính tình cứng cỏi và dũng cảm, Tử Văn đã thắng được cái ác, cái xảo quyệt của hồn ma tướng giặc. Chàng đã lấy lại được đèn cho Thổ thần. Còn hồn ma tên tướng khách thì bị Diêm Vương đầy xuống ngục “Cửu u”, chín ngục dưới âm phủ. Ít lâu sau, Thổ thần hiện lên để cảm tạ công lao của Tử Văn và mách cho chàng hay là dưới Minh Ty (Âm phủ) đang cần một người làm chức Phán sự ở đền Tản Viên và khuyên Tử Văn nên nhận gấp không thì chức đó sẽ mất về tay người khác, bởi vì “Người ta sống ở đời, xưa nay ai không phải chết, miễn là chết đi còn được tiếng về sau là đủ rồi”. Tử Văn vui vẻ nhận lời, bèn thu xếp việc nhà rồi không bệnh tật gì mà mất.

Nguyễn Dữ đã đề cao nhân vật Ngô Tử Văn như là một người đại diện cho tầng lớp trí thức Việt Nam rất nhiều tinh thần dân tộc, cương trực, dũng cảm và dám đấu tranh để chống lại cái ác, trừ cái hại cho dân. Cũng qua câu chuyện, cho thấy ông luôn luôn tin tưởng vào công lý, vào công bằng, vào một xã hội đầy nhân bản mà trong đó con người làm chủ động để thay đổi cuộc sống của chính mình.

Kết luận

Trong đêm khuya thanh vắng, ngồi đọc *Truyện Kỳ Mạn Lục* thân tiên hoang đường của Nguyễn Dữ, tôi thấy hơi rờn rợn. Nhưng chính cái rờn rợn đó, đã làm tôi tỉnh thức để bắt gặp được những cái dụng ý kỳ thác vào trong những câu chuyện. Có lẽ ở thời điểm khác, không phải đêm khuya tối trời, không phải ngồi một mình trong căn nhà hoang vắng, tôi sẽ khó nhận ra được điều đó vì thiếu sự chú tâm để đọc sách của ông. Bởi lẽ dễ hiểu ở vào thế kỷ 21 này, ngồi đọc những chuyện ma quái thần tiên, sẽ có lắm người cho không thực tế. Nhưng chính cái không khí tĩnh mịch, cái yên lặng tuyệt đối của ban đêm, đã làm cho sự tỉnh thức, sự nhận biết mở rộng đến tối đa để nhận ra được cái dụng ý sâu xa đó.

Qua tác phẩm *Truyện Kỳ Mạn Lục*, Nguyễn Dữ muốn lên án một xã hội bất công, mà trong đó thân phận kẻ sĩ cũng không khác gì với thân

phận người phụ nữ. Kẻ sĩ, như người tiêu phu ở núi Na, là những con người đầy tài năng, đầy lòng nhiệt huyết, và người phụ nữ, như Vũ thị Thiết, đẹp đẽ, đoan trang, trung trinh, nhưng rồi cả hai cũng bị vùi dập trong gông cùm chuyên chính của “phong kiến”, “trung quân ái quốc”, “tam tông tứ đức”,... Và rồi, những con người ấy để gìn giữ lại một chút thanh danh cho mình, họ chỉ còn con đường duy nhất là lui về ở ẩn hay phải trầm mình tự vẫn như nàng Vũ.

Nhưng *Truyện Kỳ Mạn Lục* không dừng ở chỗ chỉ phê phán suông, ông còn đề cao những đức tính thanh cao, những hành động cứu nước, giúp dân, sự đứng dậy, sự phản kháng, sự đập đổ bất công của mọi tầng lớp dân chúng và đặc biệt nhất là của kẻ sĩ, là những con người trí thức Việt Nam không thờ ơ, không vô cảm mà trái lại rất hào hùng, rất dũng cảm, sẵn sàng chống lại cái gian, cái ác để trừ hại cho dân. Trong tác phẩm của ông đã thể hiện được những giá trị đạo đức cổ truyền như “ở hiền gặp lành”, những con người như Vũ Thị Thiết, Ngô Tử Văn đều nhận được những điều tốt lành, được về ở với thế giới thần tiên thanh cao của họ, để tưởng thưởng những đức hạnh cao quý mà họ có. Qua đó, cho ta thấy sự tin tưởng của ông vào một nơi, mà ở đó con người được sống bình an, công bằng, nhân ái và cũng ở đó ông có thể “nhập thế hành đạo” để giúp đời, giúp người được.

Trong sự hạn hẹp của yếu tố lịch sử, khi trật tự phong kiến còn đang đề nặng, ông đã phải dùng những câu chuyện dân gian truyền tụng để ký thác những ý tưởng, những hoài bão của mình. Ông là con người chủ trương cải tạo xã hội để bảo vệ quyền sống của con người. Như một tiêu thuyết luận đề, ông đưa ra vấn đề nhưng không đưa ra một lối thoát hay một giải đáp rõ rệt. Ông muốn để cho mỗi người trong chúng ta phải tự tìm ra lời giải đáp cho chính mình, tìm ra con đường đi cho chính mình để làm sao thoát khỏi những khổ đau do xã hội mang tới. Đây cũng là một câu hỏi lớn cho chúng ta đang sống trong thời đại của mình, là làm sao thoát khỏi cái gông cùm bất công của xã hội mình đang sống mà trong đó mỗi cá nhân đều có trách nhiệm với nó. Im lặng trước cái gian, thờ ơ trước cái ác, và dung dưỡng sự bất công để cho nó được sinh sôi nảy mầm là thiếu trách nhiệm đối với tha nhân. Như nhà triết gia Pháp Jean Paul Sartre đã từng viết: “Mỗi người, với tư cách cá nhân, phải có trách nhiệm với xã hội”.

Và như thế, *Truyện Kỳ Mạn Lục*, không còn chỉ là một cuốn truyện thuần để giải trí. Những câu chuyện dân gian tưởng chừng như rất ma quái,

rất thân tiên đã là tâm tư gởi gắm của tác giả, nó nói lên cái đạo đức của con người mà cho đến ngày hôm nay vẫn còn giá trị.

Tháng năm 2013

Tài liệu tham khảo:

[1] *Truyện Kỳ Mạn Lục*: Nguyễn Dữ, bản dịch của Trúc Khê Ngô Văn Triện, nhà xuất bản Tân Việt 1952

[2] *Đoán định lại thân thế Nguyễn Dữ và thời điểm sáng tác “Truyện Kỳ Mạn Lục”*, Nguyễn Phạm Hùng

[3] *Câu chuyện đối đáp của người tiểu phu ở núi Na*, Bùi Thụy Đào Nguyên

[4] *Truyện Kỳ Mạn Lục – Thiên Cổ Kỳ Bút*, Đỗ Ngọc Thạch

